

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Đức Hưng.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33a/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Hồng T, sinh năm 1995 (Có mặt).

Cư trú: Ấp D, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Văn Trọng T, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp C, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Hồng T trình bày: Vào năm 2013 bà và ông Văn Trọng T kết hôn, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được nên bà và ông Văn Trọng T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 (al) cho

đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Văn Trọng T.

Bà và ông Văn Trọng T không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Văn Trọng T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Trần Hồng T. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đối với bà Văn Thị Hồng N là chị ruột ông Văn Trọng T thì bà Văn Thị Hồng N cho rằng các lần nhận văn bản tố tụng của Tòa án thì bà đã giao cho ông Văn Trọng T, ông Văn Trọng T cũng đồng ý ly hôn với bà Trần Hồng T nhưng bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Trần Hồng T ly hôn với ông Văn Trọng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Hồng T khởi kiện ông Văn Trọng T về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đồng thời, ông Văn Trọng T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Văn Trọng T được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, bà Trần Hồng T và ông Văn Trọng T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Trần Hồng T cho rằng cuộc sống hôn nhân xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Trần Hồng T yêu cầu ly hôn thì ông Văn Trọng T không có ý kiến. Xét hôn nhân của bà Trần Hồng T và ông Văn Trọng T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chấp nhận cho bà Trần Hồng T ly hôn với ông Văn Trọng T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Bà Trần Hồng T xác định bà và ông Văn Trọng T không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Trần Hồng T chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân, chấp nhận cho bà Trần Hồng T ly hôn với ông Văn Trọng T.

2. Bà Trần Hồng T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006806, ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, như vậy bà Trần Hồng T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Nhi